

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 29/2020/HS-PT
Ngày: 02- 3- 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

Các Thẩm phán: Ông **Võ Trung Hiếu**

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Thư ký phiên tòa: Ông **La Tương Lai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 02 và 02 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo **Bùi Văn Q** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Bùi Văn Q, sinh năm 1983 tại tỉnh N.

Nơi cư trú: Thôn X, xã K, huyện Y, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: Đường TTH21, khu 3, phường T1, Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Bùi Văn M** (sinh năm 1956) và bà **Nguyễn Thị S** (sinh năm 1956); Bị cáo có vợ là **Lưu Trương Đan T** (ly hôn năm 2017), có 01 con sinh năm; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

* Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 nguyên đơn dân sự; 01 bị đơn dân sự và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Q có giấy phép lái xe theo quy định. Khoảng 17 giờ 50 phút ngày

08/10/2015, Bùi Văn Q điều khiển ô tô tải biển kiểm soát 51C-457.22 lưu thông trên Quốc lộ 1A, hướng từ M1 đi T2. Khi đến Km 1990+640m, đoạn đường thuộc khu phố 3, phường 4, thị xã C, nơi đây là đoạn đường bê tông nhựa đang thi công sửa chữa, có hai làn đường dành cho xe chạy, làn đường cách dây phân cách cứng có lớp nhựa trên mặt đường chưa khô được phân chia với làn đường về bên phải bằng cọc tiêu và có dây nối các cọc tiêu lại với nhau. Thấy có dòng xe chạy vào làn đường đang sửa chữa, Q lái ô tô chạy theo, khi nhìn thấy các xe phía trước có tín hiệu dừng, Q đạp phanh chân lại nhưng xe ô tô tải 51C – 457.22 vẫn chạy về phía trước đụng vào đuôi xe ô tô 7 chỗ biển kiểm soát 51A – 072.00 do anh Quách Vĩnh N điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước làm xe ô tô của anh N chạy tới đụng vào đuôi xe ô tô khách chỗ biển kiểm soát 62B – 006.30 do anh Bùi Văn T3 điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước, xe ô tô 62B – 006.30 do anh T3 điều khiển tiếp tục lao về phía trước đụng vào xe ô tô 4 chỗ biển kiểm soát 51F-278.36 do anh Phùng Văn T4 điều khiển lưu thông cùng chiều liền trước. Lúc này xe ô tô biển kiểm soát 51A-072.00 bị quay đầu xe đụng vào dây phân cách cứng, xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-457.22 tiếp tục lao tới đụng vào xe ô tô biển kiểm soát 62B-006.30 của anh Bùi Văn T3 điều khiển.

Sau khi tai nạn xảy ra, hiện trường được xác định: Trên Quốc lộ 1A, thuộc khu phố 3, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Có trục đường chạy theo hướng đông tây. Đoạn đường đang sửa chữa, lớp nhựa trên mặt đường chưa khô chất dầu, có 02 phần đường dành cho xe chạy. Phần đường sát dây phân cách cứng có lớp nhựa chưa khô được phân chia với phần đường bên phải bằng những cọc tiêu có dây nối các cọc tiêu lại với nhau.

Chọn trụ điện số 13 bên phải theo hướng M1 đi T2 làm vật chuẩn. Chọn mép đường hướng M1 đi T2 làm mép đường chuẩn để đo đạc. Vị trí điểm đụng giữa các xe được đánh số như sau: “1” là vị trí điểm đụng giữa xe ô tô tải 51C-457.22 với xe ô tô con 51A – 072.00; “2” là vị trí điểm đụng giữa xe ô tô khách 62B-006.30 với xe ô tô 51A -072.00; “3” là vị trí điểm đụng giữa xe ô tô khách 62B – 006.30 với xe ô tô con 51F – 278.36; “4” là vị trí điểm đụng giữa xe ô tô tải 51C – 457.22 với xe ô tô khách 62 B- 006.30.

Từ hướng M1 nhìn về Trương Lương dọc theo trục lộ, ghi nhận phương tiện, dấu vết như sau: xe ô tô con biển số 51A – 072.00 nằm trên mặt lộ theo tư thế bình thường, đầu xe quay về hướng M1 (chéch về phía dây phân cách cứng); xe ô tô tải 51C – 457.22 nằm trên mặt lộ theo tư thế bình thường, đầu xe quay về hướng T2 (chéch về phía mép đường); xe ô tô 62B – 006.30 nằm trên mặt lộ tư thế bình thường, đầu xe hướng về T2 (chéch về phía dây phân cách cứng); xe ô tô con 51F – 278.36 nằm trên mặt đường ở tư thế bình thường, đầu xe hướng về T2 (chéch về phía dây phân cách cứng).

Từ trụ điện số 13 đo dọc theo trục lộ về hướng T2 50m00 đồng thời cách mép lộ làm chuẩn 8m50 trên mặt lộ được ghi nhận là vị trí điểm đụng của xe ô tô tải 51C – 457.22 và ô tô con 51A – 072.00 (ký hiệu trong sơ đồ là “1”)

Từ vị trí số “1” đo dọc theo mặt lộ về hướng T2 là 7m40 và đồng thời cách mép lộ làm chuẩn theo một đường thẳng vuông góc là 8m20 trên mặt lộ được ghi

nhận là vị trí điểm dừng của ô tô con 51A- 072.00 với ô tô 62B – 006.30 (ký hiệu trong sơ đồ là “2”).

Từ vị trí số “2” đo dọc theo mặt lộ về hướng T2 là 3m90 đồng thời cách mép đường lộ làm chuẩn là 9m10 là vị trí trục bánh xe trước bên trái của xe ô tô con 51A-072.00, trục bánh sau bên trái của xe ô tô 51A – 072.00 cách mép đường lộ làm chuẩn theo một đường thẳng vuông góc là 7m20. Từ trục bánh sau bên trái của xe ô tô con 51A – 072.00 đo dọc theo trục lộ về hướng T2 là 0m50 và đồng thời cách mép lộ làm chuẩn theo một đường thẳng vuông góc là 8m00 trên mặt lộ được ghi nhận là vị trí điểm dừng của xe ô tô 62B – 006.30 với xe ô tô 51F – 278.36 (ký hiệu trong sơ đồ là “3”).

Từ trục bánh trước bên trái của xe ô tô con 51A-072.00 đo dọc theo trục lộ về hướng T2 là 0m70 và đồng thời cách mép lộ làm chuẩn là 6m50 trên mặt lộ được ghi nhận là vị trí điểm dừng của xe ô tô tải 51C-457.22 với xe ô tô 62B-006.30 (ký hiệu trong sơ đồ là “4”).

Từ vị trí số “3” đo dọc theo trục lộ về hướng T2 là 0m20 và đồng thời cách mép lộ làm chuẩn là 2m20 là vị trí trục bánh sau bên phải của xe ô tô tải 51C-457.22, trục bánh trước bên phải của xe ô tô tải 51C-457.22 cách mép lộ làm chuẩn là 0m30.

Từ trục bánh trước bên phải của xe ô tô tải 51C-457.22 đo dọc theo trục lộ về hướng T2 là 10m80 và đồng thời cách mép lộ làm chuẩn là 4m90 là vị trí trục bánh sau bên phải của xe ô tô 62B-006.30, trục bánh trước bên phải xe ô tô 62B – 006.30, trục bánh trước bên phải xe ô tô 62B-006.30 cách mép đường lộ làm chuẩn là 6m20.

Từ vị trí trục bánh trước của xe ô tô 62B-006.30 đo theo trục lộ về hướng T2 là 4m60 và đồng thời cách mép lộ làm chuẩn là 1m90 là vị trí trục bánh sau của xe ô tô con 51F-278.36, trục bánh trước xe ô tô con 51F-278.36 cách mép lộ làm chuẩn là 2m20.

Ngày 12/10/2015 tiến hành khám phương tiện xe ô tô liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ ghi nhận:

** Xe ô tô biển kiểm soát 51A-072.00:*

- Toàn bộ ca-bin sau thụt mốp;
- Khung sàn xe cong vênh, biến dạng;
- Đầu ca-bô xe cong thụt mốp;
- Kính chiếu hậu bên trái đứt gãy;
- Hệ thống máy, hệ thống lái không kiểm tra.

** Xe ô tô biển kiểm soát 62B-006.30:*

- Kính chắn gió trước bể vỡ.
- Phần đầu ca-bô xe bên phải bị thụt mốp;
- Phần đầu ca-bin bên phải bị thụt vào trong;
- Khung gầm khu vực trục phía trước cong lệch;

- Kính cửa trước bên phải bị bể vỡ;
- Phần đuôi cạnh cửa sau bên trái bị thụt vào trong;
- Hệ thống lái, hệ thống máy không kiểm tra.

** Xe ô tô biển kiểm soát 51F – 278.36:*

- Khung gầm phía sau và nắp ca-bô thụt mốp;
- Cụm đèn phía sau bên trái bể vỡ;
- Hệ thống lái, hệ thống máy không kiểm tra.

** Xe ô tô biển kiểm soát 51C-457.22:*

Nắp ca-bô bên trái, cánh cửa trái đứt gãy thụt mốp lệch vào bên trong.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/2016/HĐĐG ngày 29/01/2016 kết luận giá trị tài sản bị thiệt hại của xe ô tô biển số 51A-072.00 là 310.622.400 đồng (ba trăm mười triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/2016/HĐĐG ngày 29/01/2016 kết luận giá trị tài sản bị thiệt hại của xe ô tô biển số 62B-006.30 là 191.709.100 đồng (một trăm chín mươi một triệu bảy trăm lẻ chín nghìn một trăm đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/2016/HĐĐG ngày 29/01/2016 kết luận tổng giá trị tài sản thiệt hại của xe ô tô biển số 51F-278.36 là 31.797.634 đồng (ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng).

Như vậy tổng tài sản bị hư hỏng của 3 xe ô tô trị giá là 534.129.134 đồng (năm trăm ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi chín nghìn một trăm ba mươi bốn đồng).

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2016/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn Q** phạm tội “***Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ***”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202, Điều 33, Điều 45, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn Q 03** (ba) ***năm tù***, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 604, 605, 623, 305 Bộ luật dân sự;

Buộc chị Tôn Nữ Kiều T5 và bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Quách Vĩnh N số tiền chi phí sửa xe là 310.597.100 đồng. Thời hạn trả làm 01 lần sau 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; bồi thường cho chị Nguyễn Thụy Thu P chi phí sửa xe 191.709.100 đồng. Thời hạn trả làm 01 lần sau 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Như H chi phí sửa xe 31.797.634 đồng. Thời hạn trả làm 01 lần sau 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án phúc thẩm số 31/2017/HSPT ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Bùi Văn Q** và bị đơn dân sự **Tôn Nữ Kiều T5**.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số **47/2016/HSST** ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ lại cho Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C điều tra lại vụ án.

Tại các bản kết luận định giá bổ sung tài sản số 66, 67, 68 ngày 04/02/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C kết luận giá trị tài sản bị hư hỏng của 3 xe ô tô bị tai nạn trong vụ án là 418.238.275 đồng

Quá trình giải quyết bị cáo và chủ xe (chị Tôn Nữ Kiều T5) đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho các chủ xe.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, Quyết định:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử: Phạt bị cáo Bùi Văn Q 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, 585, 589, 600, 601 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Văn Q và chị Tôn Nữ Kiều T5 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương số tiền là 40.000.000 đồng và cho anh Quách Vĩnh N số tiền là 140.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng, số tiền này bị cáo Q đã tác động chị Tôn Nữ Kiều T5 đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C đang quản lý theo biên lai thu tiền số 001346 ngày 06/12/2016 để khắc phục hậu quả trong việc bồi thường. Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và anh Quách Vĩnh N được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C để nhận lại số tiền trên sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận và luận tội, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là có căn cứ; đến nay bị cáo và chủ xe đã bồi thường khắc phục xong hậu quả, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, vụ án xảy ra không thiệt hại về người nhưng lại gây thiệt hại lớn về tài sản, ảnh hưởng xấu đến an toàn giao thông nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của bị cáo và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 08/10/2015, Bùi Văn Q điều khiển ô tô tải biển kiểm soát 51C-457.22 lưu thông trên Quốc lộ 1A, hướng từ M1 đi T2. Khi đến Km 1990+640m, đoạn đường thuộc khu phố 3, phường 4, thị xã C, nơi đây là đoạn đường bê tông nhựa đang thi công sửa chữa, có hai làn đường dành cho xe chạy, làn đường cách dây phân cách cứng có lớp nhựa trên mặt đường chưa khô được phân chia với làn đường về bên phải bằng cọc tiêu và có dây nối các cọc tiêu lại với nhau. Thấy có dòng xe chạy vào làn đường đang sửa chữa, Q lái ô tô chạy theo, khi nhìn thấy các xe phía trước có tín hiệu dừng, Q đạp phanh chân lại nhưng xe ô tô tải 51C – 457.22 vẫn chạy về phía trước đụng vào đuôi xe ô tô 7 chỗ biển kiểm soát 51A – 072.00 chạy tới đụng vào đuôi xe ô tô khách chỗ biển kiểm soát 62B – 006.30 tiếp tục lao về phía trước đụng vào xe ô tô 4 chỗ biển kiểm soát 51F-278.36. Lúc này xe ô tô biển kiểm soát 51A-072.00 bị quay đầu xe đụng vào dây phân cách cứng, xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-457.22 tiếp tục lao tới đụng vào xe ô tô biển kiểm soát 62B-006.30

Theo các bản kết luận định giá bổ sung tài sản số 66, 67, 68 ngày 04/02/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C kết luận giá trị tài sản bị hư hỏng của 3 xe ô tô bị tai nạn trong vụ án (xe ô tô 7 chỗ biển kiểm soát 51A – 072.00; xe ô tô khách chỗ biển kiểm soát 62B – 006.30; xe ô tô biển kiểm soát 62B-006.30) là 418.238.275 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với bản án sơ thẩm nêu, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo **Bùi Văn Q** về tội “***Vi phạm quy định điều khiển phương tiện giao thông đường bộ***” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có cơ sở.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ, bị cáo ý thức được rằng xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, khi đưa vào tham gia giao thông người điều khiển phải chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ, thế nhưng bị cáo đã thiếu chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn theo luật định, xử lý tay lái kém dẫn đến tai nạn làm thiệt hại lớn về tài sản và làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn giao thông tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe và trừng trị.

Về việc xác định thiệt hại, cấp sơ thẩm tiến hành định giá lại tài sản theo bản kê sửa chữa của các nguyên đơn dân sự cung cấp mà không dựa trên thiệt hại thực tế là chưa thỏa đáng, tuy nhiên các bên đã thỏa thuận bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự và không khiếu nại gì nên không xem xét lại.

[3] Về mức án: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là phù hợp, tại phiên tòa bị cáo xin hưởng án treo, xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, lý lịch và

chỗ ở rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện là lao động chính trong gia đình, trong vụ án những người liên quan (các tài xế xe của nguyên đơn dân sự) cũng có phần lỗi, đã cùng đi vào phần đường chưa được phép lưu thông, đơn vị thi công đã không quản lý chặt chẽ tại công trình, cho xe đi vào làn đường chưa hoàn thiện; để tạo điều kiện cho bị cáo lao động phụ giúp gia đình khắc phục hậu quả Hội đồng xét xử thấy chỉ cần giữ y mức án cấp sơ thẩm tuyên và giao bị cáo về cho chính quyền địa phương, gia đình theo dõi giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo.

Ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

- Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bởi các lẽ trên;

- Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Bùi Văn Q.**

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử: Phạt bị cáo Bùi Văn Q 01(một) năm tù, cho hưởng án treo và phải chấp hành thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (02/3/2020).

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang thường trú (xã K, huyện Y, tỉnh N) giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, 585, 589, 600, 601 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Văn Q và chị Tôn Nữ Kiều T5 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương số tiền là 40.000.000 đồng và cho anh Quách Vĩnh N số tiền là 140.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng, số tiền này bị cáo Q đã tác động chị Tôn Nữ Kiều T5 đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C hiện Chi cục Thi hành án dân sự

thị xã C đang quản lý theo biên lai thu tiền số 001346 ngày 06/12/2016 để khắc phục hậu quả trong việc bồi thường. Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và anh Quách Vĩnh N được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C để nhận lại số tiền trên sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- UBND xã K, huyện Y, tỉnh N;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã C;
- VKSND thị xã C;
- Công an thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng